

Bản án số: **33/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 09/5/2019
V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Hậu
2. Ông Lê Quốc Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 832/2018/TLST–HNGĐ ngày 10/12/2018, về việc tranh chấp: “*Ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thu T, sinh năm 1970**

Địa chỉ: khóm T 1, phường P, thành phố X, tỉnh G (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Lê Khắc C, sinh năm 1964**

Địa chỉ: khóm 3, phường L, thành phố X, tỉnh G (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thu T trình bày: Chị và anh Lê Khắc C do quen biết và đi đến kết hôn năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố X, tỉnh G cấp ngày 14/6/2001. Sau khi kết hôn, bản thân chị phải tự gánh vác mọi công việc và chăm lo cho gia đình, mẹ chồng khó khăn và cư xử không tốt với con dâu, giữa vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì anh C quan hệ với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài và về nhà kiểm chuyện đánh đập chị, anh C không chăm lo cho gia đình và thường xuyên cờ bạc. Nay, chị T yêu cầu tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Lê Khắc C

+ Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Kim Q, sinh ngày 14/6/1998 và Lê Quang T, sinh ngày 12/11/2000 hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

+ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 20/3/2019 với nội dung yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị do chị ở xa tại thành phố M chăm sóc các con chị việc đi lại không thuận tiện và khó khăn, sức khỏe của chị yếu sau hai lần mổ sỏi mật nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được vắng mặt.

- Phần trình bày của bị đơn anh Lê Khắc C: Vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết đối với vụ án nên không có ý kiến trình bày

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thu T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Lê Khắc C được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thu T với anh Lê Khắc C, về quan hệ con chung Lê Thị Kim Q, sinh ngày 14/6/1998 và Lê Quang T, sinh ngày 12/11/2000 hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thu T có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa vào ngày 20/3/2019, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị T là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Anh Lê Khắc C mặc dù được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh Lê Khắc C vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Chị Nguyễn Thu T khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Khắc C đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều

28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt ngày 20/3/2019, chị Nguyễn Thu T có ý kiến trình bày vào năm 2001, chị Nguyễn Thu T và anh Lê Khắc C tự quen biết và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố X, tỉnh G theo giấy chứng nhận kết hôn số 88, cấp ngày 14/6/2001. Theo chị T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bản thân chị phải tự gánh vác mọi công việc và chăm lo cho gia đình, mẹ chồng khó khăn và cư xử không tốt với con dâu, giữa vợ chồng chung sống đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn do anh C có quan hệ với người phụ nữ khác về nhà hay bạo hành đối với chị và anh C thường xuyên cờ bạc. Chị T cho rằng về tình cảm chị đối với anh C không còn và khả năng hàn gắn là không thể, chị và anh C đã sống ly thân hơn 07 năm nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh Lê Khắc C được tổng đạt các văn bản nhưng anh C không đến Tòa án cũng như không có ý kiến đối với việc chị T xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, **trong cuộc sống hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện chị T không đồng ý tiếp tục chung sống cùng với anh C, còn anh C không có ý kiến trình bày**, hôn nhân giữa chị T với anh C không còn tồn tại trên thực tế từ năm 2012 cho đến nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thu T và anh Lê Khắc C.

[4] *Về con chung*: Nguyên đơn chị T trình bày và cung cấp giấy khai sinh thể hiện giữa chị T và anh Lê Khắc C chung sống với nhau có 02 con chung tên Lê Thị Kim Q, sinh ngày 14/6/1998 và Lê Quang T, sinh ngày 12/11/2000, hiện nay con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử nhận thấy con chung của chị T và anh C đã thành niên và chị T không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị T trình bày không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng anh C vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 232; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu T đối với anh Lê Khắc C

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thu T đối với anh Lê Khắc C.

2. *Về nuôi con chung*: Có 02 con chung là Lê Thị Kim Q, sinh ngày 14/6/1998 và Lê Quang T, sinh ngày 12/11/2000 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm*:

4.1. Chị Nguyễn Thu T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0010698** tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên ngày **10/12/2018**. Chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2. Anh C không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thu T, anh Lê Khắc C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- UBND xã phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ;VP.

Trịnh Ngọc Thúy

